



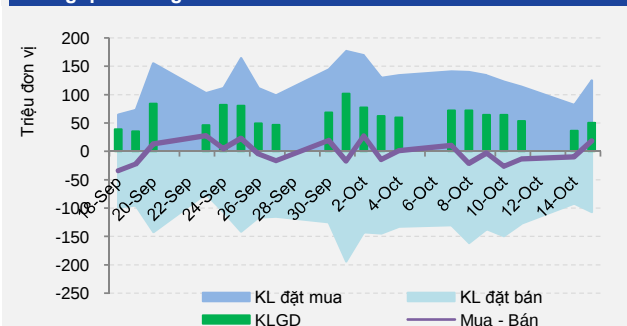
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 15/10/2013

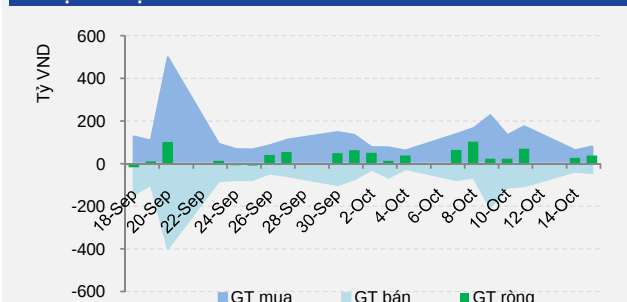
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	495.7	60.8
% Thay đổi	↑ 0.4%	↑ 0.4%
KLGD (CP)	50,449,010	21,418,917
GTGD (tỷ đồng)	668.19	168.00
Tổng cung (CP)	106,394,330	47,468,000
Tổng cầu (CP)	125,019,440	48,550,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	1,684,710	637,700
KL mua (CP)	3,438,270	1,203,900
GTmua (tỷ đồng)	80.05	13.05
GT bán (tỷ đồng)	41.63	9.75
GT ròng (tỷ đồng)	38.43	3.30

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 1.22%	7.4	1.6	1.5%
Công nghiệp	↑ 1.19%	550.1	1.0	23.0%
Dầu khí	↓ -0.47%	7.5	1.5	3.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.12%	13.3	1.8	2.3%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.37%	8.9	2.9	1.6%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.35%	12.5	5.0	14.6%
Ngân hàng	↑ 0.11%	7.1	1.3	7.4%
Nguyên vật liệu	↑ 0.57%	9.1	2.0	9.5%
Tài chính	↑ 1.07%	17.3	2.4	25.2%
Tiền ích Cộng đồng	↓ -0.02%	9.3	3.4	11.9%
VN - Index	↑ 0.43%	13.0	2.9	80.2%
HNX - Index	↑ 0.43%	33.7	1.5	19.8%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	2,443,340	3.7%	205,910	0.3%
GTGD (tỷ VND)	171,281	15.1%	3,202	0.3%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm nhẹ sau 4 phiên giảm điểm liên tiếp, phản ứng với mốc hỗ trợ kỹ thuật 490 điểm. Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu thị giá thấp có hệ số beta cao, cũng như nhóm cổ phiếu dự kiến KQKD Q3 tích cực. Còn lại đa số cổ phiếu biến động giá không nhiều, áp lực cung giá cao vẫn hiện hữu. Chỉ số HNX-Index cũng ghi nhận phiên tăng nhẹ sau 5 phiên giảm điểm liên tiếp, phản ứng với mốc hỗ trợ kỹ thuật 60 điểm.

Phiên tăng điểm nhẹ với thanh khoản tăng cho tín hiệu của lực cầu bắt đáy. Tuy nhiên diễn biến giao dịch trong phiên cho thấy lực cầu còn thận trọng, khối lượng khớp lệnh khi thị trường tăng không nhiều. Chỉ số HNX-Index cũng đang tiến gần ngưỡng cản kỹ thuật của đường MA12 ngày.

Chúng tôi cho rằng giai đoạn điều chỉnh tích lũy của thị trường chưa kết thúc. Thị trường chung dự báo dao động hẹp quanh ngưỡng hỗ trợ trong một vài phiên giao dịch tới, với sự luân chuyển của dòng tiền theo nhóm cổ phiếu. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục, quan tâm đến yếu tố cơ bản khi lựa chọn cổ phiếu.

- VN-Index tăng 2.1 điểm (0.43%), lên 495.72 điểm, mức cao nhất của chỉ số trong phiên.

- HNX-Index tăng 0.27 điểm (0.44%), lên 60.76 điểm. Đây cũng là mức cao nhất của chỉ số này trong phiên.

- Các lãnh đạo Thượng viện Mỹ đã tiến gần tới thỏa thuận theo đó gia hạn trần nợ đến ngày 7/2/2014, tài trợ cho hoạt động của chính phủ đến hết ngày 15/1/2014 và đề xuất tiến hành hội thảo về ngân sách giữa Thượng và Hạ viện vào ngày 13/12. TTCK Mỹ, Châu Âu, Châu Á đồng loạt tăng điểm sau thông tin trên. NĐTNN cũng nối tiếp chuỗi mua ròng 10 phiên liên tiếp trên TTCK Việt Nam, tập trung vào nhóm cổ phiếu Bluechips đầu ngành, thuộc ngành sắt thép, ngân hàng, dầu khí.

- Theo thống kê của NHNN, sau 3 tháng triển khai, đến 30/9/2013, các ngân hàng đã cam kết giải ngân gần 950 tỷ đồng từ gói tín dụng 30 nghìn tỷ đồng hỗ trợ nhà. Đối với khách hàng cá nhân, các NHTM đã cam kết cho vay 619 khách hàng với số tiền là 203 tỷ đồng, trong đó đã giải ngân cho 590 khách hàng với số tiền là 142.5 tỷ đồng. Đối với khách hàng DN, mới chỉ có 4 khách hàng với tổng số tiền 748 tỷ đồng được NHNN xác nhận. Nguyên nhân được xác định là số lượng dự án thuộc diện giải ngân của gói hỗ trợ hiện chưa nhiều. Trước đó, Bộ trưởng Bộ Xây dựng cho biết năm 2013 sẽ giải ngân được 5000 tỷ đồng từ gói tín dụng hỗ trợ nhà ở.

- Trả lời phỏng vấn Bloomberg ngày 14/10, Phó Thống đốc NHNN cho biết từ nay đến cuối năm, NHNN sẽ tiếp tục theo sát diễn biến thị trường và áp dụng các biện pháp cần thiết để ổn định thị trường tiền tệ. NHNN đang cân nhắc nâng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngân hàng yếu kém giống như Thái Lan hay Indonesia nhằm tận dụng nguồn vốn từ bên ngoài. Trước đó trả lời phỏng vấn Bloomberg trong chuyến công du Mỹ và các nước Châu Âu, Thủ tướng Chính phủ cam kết mở thị trường tài chính không kém các nước trong khu vực, xem xét tăng giới hạn tỷ lệ sở hữu của NĐTNN tại Ngân hàng trong nước lên 49%.

- Theo NHNN chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, lãi suất huy động, cho vay tại các Ngân hàng trong khu vực đã giảm mạnh. Lãi suất huy động phổ biến ở mức 4.6%-7%/năm đối với kỳ hạn 3 tháng, 5%-7%/năm đối với kỳ hạn 6 tháng, lãi suất cho vay cũng giảm mạnh từ mức 12.5-17%/năm xuống còn 10-14%/năm. Tổng huy động vốn của các TCTD trên địa bàn Thành phố đến 30/9/2013 ước đạt 1,066 nghìn tỷ đồng, tăng 7.34% so với cuối năm 2012. Tổng dư nợ tín dụng của các TCTD trên địa bàn TPHCM đến ngày 30/9 ước đạt 900 nghìn tỷ đồng, tăng 5.21% so với cuối năm 2012, trong đó dư nợ tín dụng trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chiếm khoảng 84%.



PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Điều chỉnh	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Điều chỉnh	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng 2.1 điểm (0.43%), lên 495.72 điểm, mức cao nhất của chỉ số trong phiên.

- KLGD tăng mạnh 41% so với phiên giao dịch trước, đạt 49 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI 14 tăng nhẹ lên mức 57.7 điểm. Đường MACD đang giảm khoảng cách với đường tín hiệu, tuy nhiên vẫn cho tín hiệu về xu hướng tăng.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm nhẹ sau 4 phiên giảm điểm liên tiếp, phản ứng với mốc hỗ trợ kỹ thuật 490 điểm. Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu thị giá thấp có hệ số beta cao, cũng như nhóm cổ phiếu dự kiến KQKD Q3 tích cực. Còn lại đa số cổ phiếu biến động giá không nhiều, áp lực cung giá cao vẫn hiện hữu.

Thị trường bước đầu đã có phản ứng tại ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật 490 điểm, tương đương mức thoái 38.2% của dải Fibonacci Retracement. Tuy nhiên với diễn biến giao dịch như hiện tại, chúng tôi cho rằng giai đoạn điều chỉnh tích lũy của thị trường chưa kết thúc. Thị trường chung dự báo dao động hẹp quanh ngưỡng hỗ trợ trong một vài phiên giao dịch tới, với sự luân chuyển của dòng tiền theo nhóm cổ phiếu. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục, quan tâm đến yếu tố cơ bản khi lựa chọn cổ phiếu.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng 0.27 điểm (0.44%), lên 60.76 điểm. Đây cũng là mức cao nhất của chỉ số này trong phiên.

- KLGD tăng gần 13% so với phiên trước, đạt 21 triệu cổ phiếu.

- Chỉ số RSI14 tăng nhẹ lên mức 51 điểm. Chỉ báo MACD đang giảm xuống, thu hẹp khoảng cách với đường tín hiệu, tuy nhiên vẫn cho tín hiệu về xu hướng tăng điểm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tăng điểm nhẹ sau 5 phiên giảm điểm liên tiếp, phản ứng với thanh khoản tăng cho tín hiệu của lực cầu bắt đáy. Tuy nhiên diễn biến giao dịch trong phiên cho thấy lực cầu còn thận trọng, khối lượng khớp lệnh khi thị trường tăng không nhiều. Chỉ số HNX-Index cũng đang tiến gần ngưỡng cản kỹ thuật của đường MA12 ngày.

Chúng tôi cho rằng giai đoạn điều chỉnh tích lũy của thị trường chưa kết thúc. Thị trường chung dự báo dao động hẹp quanh ngưỡng hỗ trợ trong một vài phiên giao dịch tới, với sự luân chuyển của dòng tiền theo nhóm cổ phiếu. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục, quan tâm đến yếu tố cơ bản khi lựa chọn cổ phiếu.



TOP CỔ PHIẾU CÓ CHỈ SỐ ROE CAO NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	GAS	2908.61	23.1%	7200.95	54.2%	93.6%	17,051	6,429	10.11	3.81	25.37	41.56
2	VNM	1842.78	22.4%	3373.62	21.5%	54.2%	20,423	7,699	18.31	6.9	32.72	40.48
3	PPC	355.94	467.1%	1299.95	565.0%	387.6%	15,679	5,411	3.68	1.27	14.41	38.41
4	VIC	3794.28	597.6%	4058.94	223.1%	54.1%	15,763	4,607	13.78	4.03	7.84	38.34
5	BMC	18.89	-38.5%	42.73	-20.5%	53.4%	17,809	5,906	7.5	2.49	25.83	32.6
6	CSM	99.95	42.0%	168.58	54.1%	81.7%	19,037	4,668	7.54	1.85	15.92	31.18
7	DRC	110.65	28.2%	188.82	31.1%	60.4%	14,377	4,303	9.46	2.83	13.94	30.65
8	FCN	36.34	52.8%	63.55	29.1%	53.0%	23,827	4,627	3.67	0.71	9.29	29.72
9	BMP	116.06	30.4%	195.86	15.2%	62.2%	30,330	8,438	8.95	2.49	26.16	29.59
10	HSG	185.38	37.7%	413.54	118.7%	103.4%	22,242	6,413	6.07	1.75	10.45	28.92

CỔ PHIẾU DỰ KIẾN CÓ KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2013 KHẢ QUAN

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	KDC	44.19	589.4%	77.86	998.0%	17.3%	27,673	2,752	18.53	1.84	7.57	10.14
2	CSM	99.95	42.0%	168.58	54.1%	81.7%	19,037	4,668	7.54	1.85	15.92	31.18
3	HPG	511.60	52.8%	968.53	82.7%	80.7%	21,545	3,419	10.53	1.67	7.46	16.46
4	PVD	451.49	58.6%	872.58	31.6%	64.2%	37,118	7,197	9.45	1.83	8.12	21.45
5	DRC	110.65	28.2%	188.82	31.1%	60.4%	14,377	4,303	9.46	2.83	13.94	30.65
6	GAS	2908.61	23.1%	7200.95	54.2%	93.6%	17,051	6,429	10.11	3.81	25.37	41.56
7	REE	528.99	239.4%	639.08	55.3%	98.3%	18,156	3,306	7.59	1.38	14.19	21.49
8	PPC	355.94	467.1%	1299.95	565.0%	387.6%	15,679	5,411	3.68	1.27	14.41	38.41

TOP CỔ PHIẾU CÓ TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q3 SO CÙNG KỲ

STT	Mã	Doanh thu		LNST (tỷ)		Doanh thu (tỷ)		LNST (tỷ)			EPS 9T (VND)	P/E (9T)
		Q3/2013	% so Q3.2012	Q3/2013	% so Q3.2012	9T/2013	% so 9T/2012	9T/2013	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013		
1	TCM	700.25	134.53%	34.74	4235.71%	1,900.0	107.5%	92.5	16918.2%	102.4%	1,880	9.4
2	PXS	303.58	121.59%	33.30	1656.72%	682.0	68.1%	49	78.9%	49.6%	1,245	8.8
3	NHC	23.38	124.76%	1.40	735.53%	63.2	104.8%	2.5275	153.2%	104.0%	1,710	8.8
4	SVT	37.15	197.71%	1.47	334.09%	62.0	103.2%	3.46	-607.0%	58.8%	362	22.1
5	NNC	89.77	135.81%	38.09	210.79%	244.8	128.0%	77.36	154.9%	137.9%	9,073	4.9
6	NGC	46.10	110.45%	0.45	184.91%	119.4	72.0%	1.5	1875.0%	47.9%	1,250	8.4
7	AGR	67.88	30.36%	9.87	173.46%	299.0	42.3%	29	48.7%	50.9%	137	32.0
8	BSI	54.05	161.97%	5.13	166.71%	155.0	81.0%	9.2	19.4%	405.3%	106	41.4
9	VGP	167.27	340.88%	5.42	164.74%	409.6	217.3%	16.28	124.1%	98.7%	2,058	8.0
10	VTV	779.97	93.83%	11.08	143.15%	2,580.0	97.8%	24.6	104.6%	100.0%	1,590	4.8

Ghi chú: EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất (trừ khi ghi chú khác)

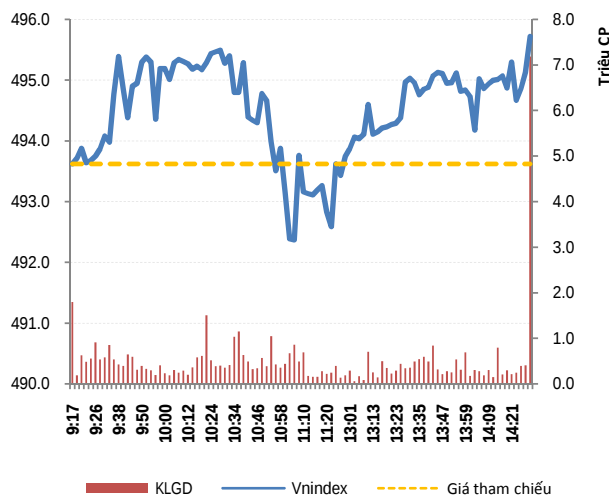
BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 15/10/2013.

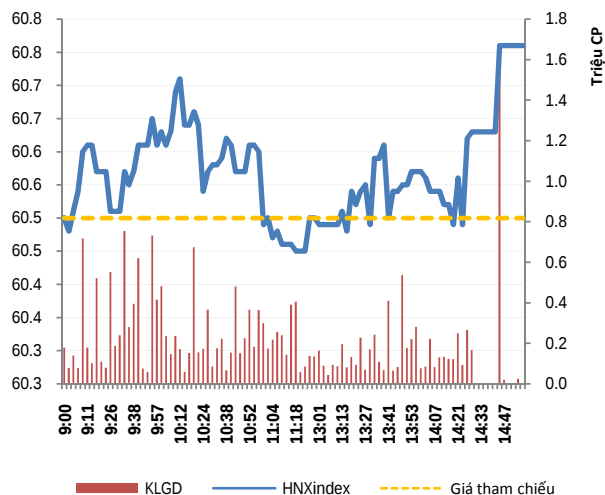
KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên



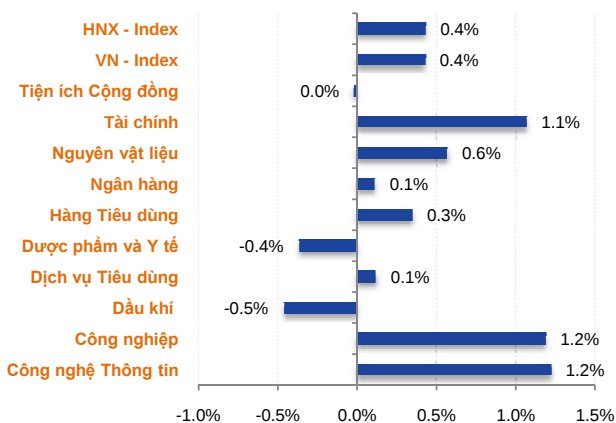
KLGD và VN-Index trong phiên



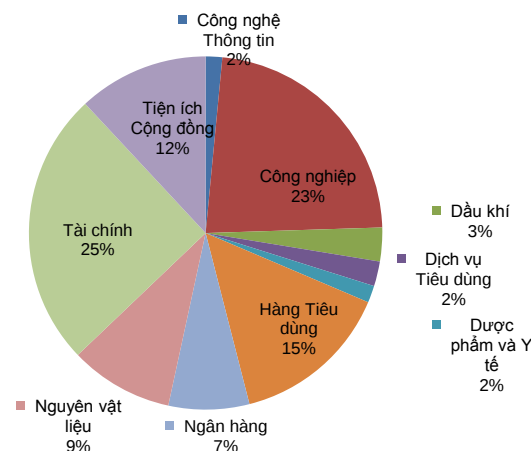
KLGD và HNX-Index trong phiên



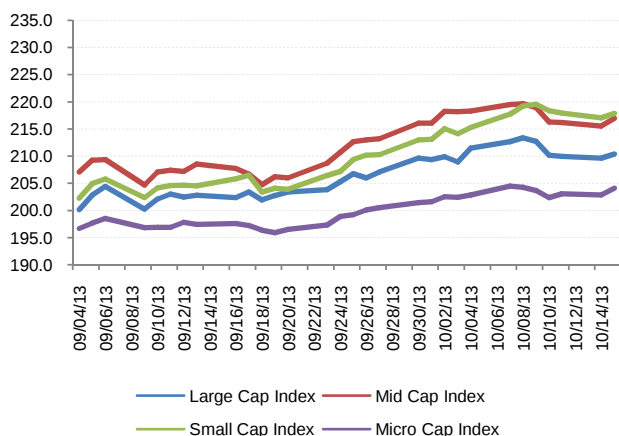
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



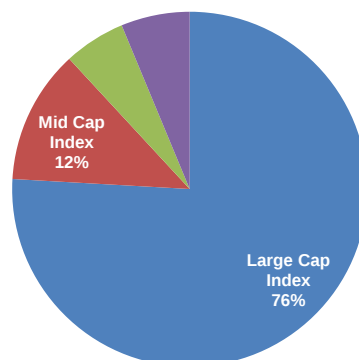
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	OGC	299,000	SVC	145,000
2	GMD	282,140	VIC	58,650
3	CTG	239,100	LCG	55,000
4	EIB	199,000	PAC	51,270
5	KBC	186,000	ASP	50,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	579,000	PVS	238,000
2	PVC	112,300	PVG	20,500
3	ACB	110,000	VCG	17,000
4	SDH	30,000	SDT	16,900
5	TIG	20,000	SKS	10,900

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVT	8.6	9.2	↑ 6.98%	5,347,520
IJC	7.2	7.6	↑ 5.56%	2,537,560
ITA	5.7	5.8	↑ 1.75%	2,292,240
OGC	9.3	9.6	↑ 3.23%	2,278,960
MBB	13.8	13.8	→ 0.00%	1,616,780

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
DCS	2.5	2.7	↑ 6.68%	2,308,910
SCR	5.2	5.4	↑ 3.58%	1,912,295
PVX	2.3	2.2	↓ -3.30%	1,694,188
SHS	5.2	5.2	↑ 0.69%	1,597,300
KLS	8.1	8.1	↑ 0.05%	1,503,370

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	0.9	1.0	0.1	↑ 11.11%
PVT	8.6	9.2	0.6	↑ 6.98%
CNT	2.9	3.1	0.2	↑ 6.90%
GTA	7.4	7.9	0.5	↑ 6.76%
SVI	30.0	32.0	2.0	↑ 6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NVC	0.4	0.5	0.1	↑ 25.00%
CCM	9.0	9.9	0.9	↑ 10.00%
SJM	1.0	1.1	0.1	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
CTB	16.1	17.7	1.6	↑ 9.94%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SAV	8.8	8.2	-0.6	↓ -6.82%
CYC	4.6	4.3	-0.3	↓ -6.52%
FMC	12.4	11.6	-0.8	↓ -6.45%
DRH	1.6	1.5	-0.1	↓ -6.25%
DTT	6.5	6.1	-0.4	↓ -6.15%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
YBC	9.0	8.1	-0.9	↓ -10.00%
VCV	3.0	2.7	-0.3	↓ -9.90%
TKU	8.2	7.4	-0.8	↓ -9.76%
PXA	1.0	0.9	-0.1	↓ -9.60%
SPP	6.4	5.8	-0.6	↓ -9.38%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVT	5,347,520	5.6%	630	14.6	0.8
IJC	2,537,560	3.6%	390	19.5	0.7
ITA	2,292,240	0.3%	31	189.5	0.5
OGC	2,278,960	-0.4%	(39)	-	0.9
MBB	1,616,780	16.4%	2,201	6.3	1.0

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
DCS	2,308,910	-1.3%	(143)	-	0.2
SCR	1,912,295	-3.1%	(450)	-	0.4
PVX	1,694,188	-67.8%	(4,616)	-	0.5
SHS	1,597,300	1.8%	139	38.1	0.7
KLS	1,503,370	1.9%	266	30.5	0.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	↑ 11.1%	-1010.2%	(14,249)	-	(0.2)
PVT	↑ 7.0%	5.6%	630	14.6	0.8
CNT	↑ 6.9%	-24.5%	(5,233)	-	0.2
GTA	↑ 6.8%	6.5%	1,029	7.7	0.5
SVI	↑ 6.7%	29.4%	5,644	5.7	1.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NVC	↑ 25.0%	-153.7%	(8,535)	-	(0.1)
CCM	↑ 10.0%	1.8%	455	21.8	0.4
SJM	↑ 10.0%	-10.6%	(1,045)	-	0.1
VE4	↑ 10.0%	12.1%	1,741	5.1	0.6
CTB	↑ 9.9%	15.5%	2,870	6.2	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
OGC	299,000	-0.4%	(39)	-	0.9
GMD	282,140	4.7%	1,866	14.7	0.7
CTG	239,100	19.2%	2,596	6.7	1.2
EIB	199,000	8.6%	1,059	13.1	1.2
KBC	186,000	-10.2%	(1,412)	-	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	579,000	-2.9%	(335)	-	0.6
PVC	112,300	10.0%	1,725	9.0	1.0
ACB	110,000	0.3%	41	388.1	1.2
SDH	30,000	-16.1%	(1,276)	-	0.4
TIG	20,000	3.9%	383	10.7	0.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	123,175	41.6%	6,429	10.1	3.8
VNM	118,353	40.5%	7,699	18.4	7.0
VCB	66,973	9.9%	1,785	16.2	1.6
CTG	64,415	19.2%	2,596	6.7	1.2
VIC	58,159	38.3%	4,979	12.9	4.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,560	0.3%	41	388.1	1.2
SQC	8,602	5.8%	720	108.7	6.3
PVS	7,013	16.4%	2,738	5.7	1.0
SHB	5,937	-2.9%	(335)	-	0.6
OCH	4,800	6.5%	591	40.6	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TS4	2.87	7.9%	1,504	5.2	0.4
NKG	2.62	-20.2%	(2,085)	-	0.9
CLG	2.47	9.9%	1,250	6.8	0.7
SGT	2.20	-41.0%	(2,320)	-	0.5
VIS	1.91	-1.9%	(257)	-	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SHN	5.01	-123.3%	(3,000)	-	0.6
HDA	4.02	13.8%	1,780	5.3	0.8
TTZ	3.67	1.3%	135	22.2	0.3
VAT	3.12	-9.0%	(1,079)	-	0.4
PSI	3.04	-0.3%	(26)	-	0.6



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)